

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/KDTM-PT

Ngày 28 - 11 - 2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trí Thức.

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2017/TLPT-KDTM ngày 25/10/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2017/QĐ-PT, ngày 01/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn W.

Địa chỉ: Đường C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Ji W, sinh năm: 1976; Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Song H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lâm Tuyết V, sinh năm: 1978; Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 179/16, đường A, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 04 năm 2017, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn bà Trần Song H trình bày:

Ngày 20/01/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn W (sau đây gọi tắt là Công ty W) có ký với Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/HDMB:NT. Nội dung của hợp đồng, Công ty W có đặt mua của công ty H 150.000kg bông rơi cotton với giá tiền 3.525.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng từ khi ký kết đến hết ngày 20/4/2017, phía Công ty W phải đặt cọc trước 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 1.057.500.000 đồng. Vào ngày 20/01/2017, Công ty W đã đặt cọc số tiền trên. Ngày 23/01/2017, Công ty H đã giao 880 kg bông rơi cotton tương ứng với số tiền 22.748.000 đồng. Sau đó, phía Công ty H ngưng giao hàng. Vì vậy, Công ty W yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải trả lại số tiền cọc đã nhận sau khi cân trừ số hàng đã nhận 880 kg bông rơi cotton thành tiền là 22.748.000 đồng, số tiền đặt cọc còn lại là 1.034.752.000 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH H có ông Vũ Trọng K và chị Nguyễn Thị C là người đại diện theo ủy quyền và tại phiên tòa chị Lâm Tuyết V là người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện trình bày:

Ngày 20/01/2017, Công ty H có ký hợp đồng mua bán bông cotton với Công ty W số 03/HDMB:NT với khối lượng 150.000kg thành tiền 3.525.000.000 đồng. Theo sao kê tài khoản tại Ngân hàng V từ ngày 01/01/2017 đến 31/01/2017, ngày 03/01/2017 thì Công ty W có chuyển khoản tiền đặt cọc cho Công ty H số tiền 650.000.000 đồng nội dung ghi rõ là thanh toán tiền đặt cọc 10% hợp đồng bông chảy kỷ, ngày 20/01/2017 Công ty W vay nợ hợp đồng tín dụng cũng để thanh toán tiền bông chảy kỷ số tiền là 1.057.500.000 đồng, còn đối với hợp đồng 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017 mặt hàng bông rơi cotton thì phía Công ty W chưa chuyển tiền đặt cọc cho Công ty H vì trước khi ký hợp đồng 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017, bà H là kế toán (hiện là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có nói do Công ty W đang gặp khó khăn không có tiền thanh toán cho hợp đồng bông chảy kỷ ký ngày 28/12/2016 nên cần ký kết gấp hợp đồng mua bán hàng hóa để bổ túc hồ sơ vay vốn Ngân hàng V nên Công ty H mới ký hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017 chứ thực chất hai bên vẫn chưa chốt được giá và phía Công ty W chưa chuyển tiền đặt cọc cho Công ty H. Nay Công ty W yêu cầu Công ty H phải trả lại tiền cọc còn lại là 1.034.752.000 đồng, Công ty H không đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017, Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Khoản 3 Điều 4, Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn W.

Buộc Công ty TNHH H phải trả số tiền cọc còn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn W là 1.034.752.000đ (Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng).

2. Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu 43.042.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.870.000 đồng theo biên lai số 006319 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn W có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2017, bị đơn Công ty TNHH H kháng cáo toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Số tiền 1.057.500.000 đồng bị đơn cho rằng phía nguyên đơn thanh toán tiền bông chảy kỹ của hợp đồng 03/HĐMB:NT ngày 28/12/2016 nhưng căn cứ vào các bản giải trình ngày 18/4/2017, 31/5/2017 và bản tự khai ngày 15/6/2017 bà Lâm Tuyết V đều thừa nhận ngày 20/01/2017 Công ty W đã đặt cọc số tiền trên cho Công ty H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH H trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ngày 20/01/2017, Công ty W có ký với Công ty H hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/HDMB:NT, nội dung Công ty W có đặt mua của công ty H 150.000kg bông roi cotton với giá tiền 3.525.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng từ khi ký kết đến hết ngày 20/4/2017, phía Công ty W phải đặt cọc trước 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 1.057.500.000 đồng; đồng thời, cũng trong ngày 20/01/2017, Công ty W đã chuyển khoản cho Công ty H số tiền 1.057.500.000 đồng. Theo Công ty W, đây là số tiền công ty đặt cọc cho Công ty H theo hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017 nói trên, còn phía Công ty H thì cho rằng đây là số tiền Công ty W thanh toán tiền hàng bông chảy kỹ của hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016.

Theo bản sao kê tài khoản ngày 10/02/2017 Công ty H cung cấp (BL60, 61) và giấy nhận nợ kèm theo bảng kê chứng từ vay vốn ngày 20/01/2017 Công ty W cung cấp (BL 64, 65) thì chỉ ghi số tiền 1.057.500.000 đồng Công ty W thanh toán tiền bông hợp đồng 03/HDMB:NT, không ghi rõ thanh toán tiền bông hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016 hay hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017. Tuy nhiên, số tiền 1.057.500.000 đồng Công ty W chuyển khoản cho Công ty H vào ngày 20/01/2017 phù hợp với số tiền đặt cọc 30% hai bên thỏa thuận trong hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017, phù hợp với Điều 2 của phụ lục hợp đồng ngày 06/02/2017 do phía Công ty H soạn thảo và gửi qua zalo cho Công ty W, phù hợp với trao đổi giữa hai bên qua tin nhắn điện thoại trước khi ký hợp đồng (BL 126). Mặt khác, tại các biên bản giải trình số 01/BB ngày 18/4/2017 (BL 48, 49), số 02/BBGT ngày 31/5/2017 (BL 45, 46, 47) và bản tự khai ngày 15/6/2017 (BL 50), Công ty H đều xác định ngày 20/01/2017 hai bên có ký hợp đồng mua bán bông cotton số 03/HDMB:NT, ngày 20/01/2017 Công ty W đã đặt cọc số tiền 1.057.500.000 đồng cho Công ty H, Công ty H đã giao 880 kg tương đương số tiền 22.748.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định số tiền 1.057.500.000 đồng Công ty W chuyển khoản cho Công ty H vào ngày 20/01/2017 là khoản tiền đặt cọc của hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017. Công ty H cho rằng hai bên có thỏa thuận (qua điện thoại) chuyển tiền đặt cọc sang thanh toán tiền hàng bông chảy kỹ nhưng phía Công ty W không thừa nhận, Công ty H lại không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty W, buộc Công ty H phải trả số tiền cọc còn lại 1.034.752.000 đồng cho Công ty W là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu 43.042.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn W.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn W số tiền đặt cọc còn lại là 1.034.752.000đ (Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 43.042.000đ (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đã nộp theo biên lai thu số 006772 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải nộp tiếp 43.042.000đ (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.870.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 006319 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn W có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu

Nguyễn Trí Thức

Nguyễn Bá Nhu